

Heavy

SMOOTH OB

Mô hình khép kín

SMOOTH là có khả năng bảo vệ ESD, có thể giặt ở nhiệt độ 30 C và có thể khử trùng bằng tia cực tím. Giày có thể chịu được các tác động, độ bám cao và không chứa kim loại.

Những vật liệu cao cấp hơn	EVA mở rộng
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong	SAU ĐÓ
ngoài	Cao su (NBR)
	OB / SR, FO, HRO, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 34-47 / UK 2.0-12.0 / US 2.5-13.0 JPN 21.0-31 / KOR 225-310
ng lượng thép	0.220 kg
ản hưởng chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024



EBL

3.39 kg



EGN



BLK



FUX



LIC



NAV

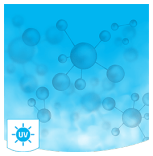


WHT



Dung dịch chống thấm hợp vệ **sinh**

Giày này được làm bằng vật liệu không thấm nước, dễ dàng vệ sinh cho các ứng dụng trong môi trường như làm sạch hoặc hướng dẫn bệnh nhân đi tắm.



Khử **trùng** bằng **hóa** chất **& tia** cực **tím**

Giày này có thể được khử trùng bằng hóa chất và tia cực tím.



X

ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn tia lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



iặt ở C

Những đôi giày này có thể được

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sốcupốẩm m &gĐ

ường: **Môi** t
rư ờn **môi**khô, Bề mặt cự cmịnờn, **môi**ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phẳ cáphủ hàn hiệ Khôngtrên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **EVA** m ở r ộ n g **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ư ấm ớ h ơ	? 0.8		N/A	iờ	mg/cm/g
	Top: hi ệ u ố h ơ	? 15		N/A		mg/cm2
ót bên trong	**SAU ĐÓ**					
	L ớp **lót:** ư ấm ớ h ơ	? 2		N/A	iờ	mg/cm/g
	lót: hi ệ u ố h ơ	? 20		N/A		mg/cm2
rong Đ	**SAU ĐÓ**					
ệ m chân Đ	ch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**Cao su (NBR)**					
	Ch ố ả ưởng ế ngoài (mài mòn)	? 150		149		mm
	Chư ố ợt t gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31		0.48		ma sát
rư	Cột cố ợt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36		0.53		ma sát
rư	Cột SR ợt G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19		0.3		ma sát
	Chư ố ợt SR G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22		0.32		ma sát
ị ch	ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		628.1		megaohm
ị ESD	Giá t	0.1 - 100		1.3		megaohm
	Hấp thụ năng l ượ gót chân c ủ	? 20		36		J

kích thước thép: 42

a chúng tôi Đ ợc có ế thay và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **hát** thả					
	V ật l iệu		1.14		kg
	Bao bì		0.10		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
				3.39 kg CO2/ cặp	

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		0%	
	Bao bì		98%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán